

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN G
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST

Ngày: 08-06-2022

V/v hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất
và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh An;
2. Ông Bạch Ngọc Bay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 năm 2022 và ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Phú H, sinh năm: 1977. (có mặt)

Cư trú: Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

1.2. Ông Trương Thiện T, sinh năm: 1977. (có mặt)

Cư trú: Số 124 Bình T, phường Bình H, quận Bình T, thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chô R, sinh năm: 1986.(vắng mặt)

Cư trú: Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Tăng M, sinh năm: 1955. (có mặt)

Cư trú: ấp 3, xã Long H, huyện Cần Đ, tỉnh L.

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1947. (vắng mặt)

3.3. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1980 (có mặt)

Cư trú: Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

3.4. Bà Võ Thị Bé H, sinh năm: 1981. (có mặt)

Cư trú: Số 124 Bình T, phường B, quận Bình T, thành phố H.

3.5. Bà Đỗ Mỹ D, sinh năm: 1961. (vắng mặt)

Cư trú: 31A/10 Hùng V, phường 9, Quận 5, thành phố H.

3.6. Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T.

Trụ sở: Khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng: Ông Nguyễn Văn Dũng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 08/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Phú H và ông Trương Thiện T trình bày:

Vào ngày 11/8/2009, Ông Nguyễn Chô R có chuyển nhượng cho ông Trương Thiện T phần đất có diện tích 10m x 25m thuộc một phần thửa đất số 1020 nay là thửa 756 với số tiền 100.000.000 đồng và Ông R đã nhận tiền đủ. Đến ngày 09/10/2013, Ông Nguyễn Chô R có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú H phần đất có diện tích 240m² thuộc một phần thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 04, loại đất hàng năm khác, nay là thửa 756 tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần Giuộc, với số tiền 120.000.000 đồng và ông H cũng đã trả tiền đủ. Sau khi chuyển nhượng cho ông H và ông T hai phần diện tích trên thì sau đó đến ngày 16 tháng 4 năm 2016, Ông R có chuyển nhượng phần diện tích còn lại là 60m² của thửa đất số 756 cho ông H. Phần diện tích này trước đây là lối đi vào phần đất phía trong còn lại của Ông R, với giá là 30.000.000 đồng và đã trả tiền đủ. Ông Nguyễn Chô R đã giao đất cho ông H và ông T sử dụng, quản lý thời điểm hai ông nhận chuyển nhượng.

Tuy nhiên, các phần đất nhận chuyển nhượng thì Ông R chưa chuyển quyền sang cho ông H và ông T. Trước đây ông H và ông T có nhiều lần yêu cầu Ông R chuyển quyền diện tích đất nêu trên, nhưng Ông R chưa làm thủ tục chuyển quyền được.

Đến ngày 04/12/2018 Ông Nguyễn Chô R thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 756 cho Ông Tăng M để vay tiền của Ông M và hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T.

Nay ông H và ông T khởi kiện yêu cầu Ông R chuyển quyền sang cho ông H và ông T cùng đứng tên thửa đất số 756, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất là 550m², nhưng có diện tích đo đạc thực tế là 525m² tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L. Đối với phần diện tích đất thực tế thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 25m², thì ông H và ông T không có yêu cầu Ông R bồi thường.

Ông H khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 04/12/2018 giữa Ông Nguyễn Chô R với Ông Tăng M được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T.

Tại phiên tòa, ông H, ông T trình bày hai ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông H cho rằng ông đã đưa ông Nguyễn Văn M- trước đây là đại diện theo ủy quyền của Ông Tăng M số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên, nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng minh và không có yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn M.

Bị đơn Ông Nguyễn Chô R trình bày: Vào ngày 11/8/2009, Ông R có chuyển nhượng cho ông Trương Thiện T phần đất có diện tích 10m x 25m thuộc một phần thửa đất số 1020 nay là thửa 756 với số tiền 100.000.000 đồng và Ông R đã nhận tiền đủ. Đến ngày 09/10/2013, Ông R có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú H phần đất có diện tích 240m² thuộc một phần thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 04, loại đất hàng năm khác, nay là thửa 756 tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần Giuộc, với số tiền 120.000.000 đồng và Ông R cũng đã nhận tiền đủ. Sau khi chuyển nhượng cho ông H và ông T hai phần diện tích trên thì sau đó đến ngày 16 tháng 4 năm 2016, Ông R có chuyển nhượng phần diện tích còn lại là 60m² của thửa đất số 756 cho ông H. Phần diện tích này trước đây là lối đi vào phần đất phía trong còn lại của Ông R, nhưng sau đó Ông R đã bán cho người khác phần đất phía trong và họ đã đi con đường khác. Cho nên, sau đó Ông R có chuyển nhượng phần diện tích còn lại 60m² cho ông H luôn, với giá là 30.000.000 đồng và ông H đã trả tiền đủ. Ông R và ông H có làm tờ giấy tay có tiêu đề “Hợp đồng mua bán đất” để chuyển nhượng phần diện tích này. Như vậy, thửa đất số 756 Ông R đã chuyển nhượng hết diện tích cho ông H và ông T và đã giao đất cho ông T, ông H quản lý, sử dụng. Hiện tại, qua yêu cầu khởi kiện của ông H và ông T thì Ông R đồng ý chuyển quyền sang cho ông H và ông T cùng đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 756.

Vào ngày 04/12/2018, Ông R có thế chấp thửa đất này cho Ông Tăng M để vay số tiền 300.000.000 đồng, có ký hợp đồng thế chấp tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T. Mặc dù, Ông R đã chuyển thửa đất này cho ông H và ông T nhưng vì không có tiền để trả nợ nên Ông R có thế chấp thửa đất này cho Ông Tăng M để vay số tiền 300.000.000 đồng. Ông R có trả tiền lãi được một tháng, nhưng số tiền bao nhiêu thì Ông R không nhớ. Ông R cũng không trả tiền vốn và tiền lãi cho Ông M từ đó cho đến nay. Ông R đồng ý yêu cầu của ông H về việc đòi hủy hợp đồng thế chấp ngày 04/12/2018 đã được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T giữa Ông R và Ông Tăng M. Đối với yêu cầu của Ông Tăng M về việc đòi Ông R trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì Ông R đồng ý. Ông R yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt Ông R cho đến khi vụ việc giải quyết xong.

Ông Nguyễn Rô Đ trình bày: Nguyễn Chô R là anh ruột của ông Đ. Ngày 09/10/2013, ông Đ có ký tên vào Hợp đồng mua bán đất giữa ông Nguyễn Phú H và Ông Nguyễn Chô R. Khi đó, ông H nhận chuyển nhượng phần đất thuộc một phần thửa đất số 1020 tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G. Ông R kêu ông Đ ký tên với tư cách là làm chứng chứ ông Đ không phải là người chuyển nhượng đất và ông Đ không có nhận tiền và hưởng lợi gì đối với số tiền mà Ông R chuyển nhượng đất. Ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt Ông R cho đến khi vụ việc giải quyết xong.

Bà Phạm Thị Thu H trình bày: Trước đây, bà H và anh Nguyễn Chô R là vợ chồng. Vào khoảng năm 2016, Ông R và bà H đã ly hôn. Bà H xác định thửa đất số 756, diện tích 550m², tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc tại xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L là tài sản riêng của Ông R. Tuy nhiên, khi Ông R chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Phú H thì anh R có kêu bà Hường ký tên vào giấy tay chuyển nhượng, nhưng bà Hường không có nhận tiền và hưởng lợi gì đối với số tiền mà Ông R chuyển nhượng đất. Thửa đất số 756 thì Ông R đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú H và ông Trương Thiện T. Bà Hường yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà H cho đến khi vụ việc giải quyết xong.

Ông Tăng M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 04/12/2018, Ông Nguyễn Chô R có ký hợp đồng thế chấp thửa đất số 756 cho Ông M để vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/12/2019. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T. Ông R đã nhận đủ số tiền vay là 300.000.000 đồng nhưng chưa trả khoản tiền lãi nào cho Ông M. Nay Ông M khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Chô R trả lại số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với mức lãi suất 2%/tháng tính kể từ ngày 04/12/2018 đến ngày 25/02/2020 với thời gian là 14 tháng 21 ngày, với số tiền lãi là 88.200.000 đồng. Tổng cộng là 388.200.000 đồng và Ông M yêu cầu Ông Nguyễn Chô R tiếp tục trả lãi với mức lãi là 2%/tháng trên số tiền vốn gốc tính từ ngày 26/02/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông M không đồng ý yêu cầu của ông H và ông T khởi kiện yêu cầu Ông R chuyển nhượng sang cho ông T và ông H cùng đứng tên thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L; và không đồng ý yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 04/12/2018 giữa Ông Nguyễn Chô R với Ông Tăng M được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T.

Tại phiên tòa, Ông Tăng M trình bày: Ông M chấm dứt ủy quyền với ông Nguyễn Văn Mười. Ông M đồng ý yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông H. Bản chất sự việc là Ông M đưa ông Chô R số tiền 400.000.000 đồng, lần đầu đưa 300.000.000 đồng, lần sau đưa 100.000.000 đồng. Ông M thống nhất với yêu cầu của mình trong quá trình giải quyết vụ án, do ông lớn tuổi, nên tại phiên tòa ông nghĩ lại và đưa trên yêu cầu mới là đề nghị Tòa án buộc Ông Nguyễn Chô R phải trả lại số tiền vốn là 08 lượng vàng (do vào thời điểm cho vay, Ông M bán 08 lượng vàng đưa cho ông Chô R số tiền 300.000.000

đồng) và trả lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng phát sinh Ông M không yêu cầu. Khi thể chấp, Ông Nguyễn Chô R đã giao cho Ông M giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 756, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây hằng năm khác, đất tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L. Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thất lạc. Ông Tăng M cam đoan chưa sử dụng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 083489 để xác lập giao dịch nào khác.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Nguyễn Phú H là con ruột của Ông T. Ông T là chủ sử dụng thửa đất số 561, tờ bản đồ số 10. Căn cứ vào Mảnh trích đo số 848 ngày 27/10/2020 thì phần đất tại vị trí D có diện tích 05m² thuộc một phần thửa đất số 756, là thuộc quyền sử dụng của ông H .

Bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày bà là vợ của ông Nguyễn Phú H, số tiền nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ Ông Nguyễn Chô R là tài sản chung của vợ chồng bà, bà xác định nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà yêu cầu bà cùng ông H đứng tên quyền sử dụng đất. Bà thống nhất với lời trình bày của ông H , không có ý kiến bổ sung.

Bà Võ Thị Bé H trình bày bà là vợ của ông Trương Thiện T, số tiền nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ Ông Nguyễn Chô R là tài sản chung của vợ chồng bà, bà xác định nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà đồng ý để ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Bà thống nhất với lời trình bày của ông T, không có ý kiến bổ sung.

Bà Đỗ Mỹ D trình bày: Khoản tiền mà Ông M cho Ông R vay là của riêng Ông M, không phải là tài sản chung của vợ chồng Ông M và bà Dung. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T trình bày: Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 32277, quyền số 38/TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 04/12/2018 được thực hiện đúng quy trình, hồ sơ đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật. Cho nên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phú H về việc đòi hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 04/12/2018 giữa Ông Nguyễn Chô R với Ông Tăng M đối với thửa đất số 756, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550m², nhưng có diện tích đo đạc thực tế là 525m² tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L; đồng thời yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Chô R là chủ sử dụng thửa đất 756. Vào ngày 11/8/2009, Ông R có chuyển nhượng cho ông Trương Thiện T phần đất có diện tích 10m x 25m thuộc một phần thửa đất số 1020 nay là thửa 756 với số tiền 100.000.000 đồng và Ông R đã nhận tiền đủ. Đến ngày 09/10/2013, Ông R có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú H phần đất có diện tích 240m² thuộc một phần thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 04, loại đất hàng năm khác, nay là thửa 756 tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần Giuộc, với số tiền 120.000.000 đồng và Ông R cũng đã nhận tiền đủ. Sau khi chuyển nhượng cho ông H và ông T hai phần diện tích trên thì sau đó đến ngày 16 tháng 4 năm 2016, Ông R có chuyển nhượng phần diện tích còn lại là 60m² của thửa đất số 756 cho ông H. Việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên không đúng hình thức. Tuy nhiên, bên mua đã thanh toán toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng, quản lý sử dụng phần đất. Ông H và ông T yêu cầu cùng đứng tên thửa đất 756. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và ông T.

Về yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Ông Nguyễn Chô R ký hợp đồng thế chấp khi đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H và ông T, việc thế chấp không đảm bảo nên yêu cầu này là có căn cứ.

Tại phiên tòa, Ông Tăng M yêu cầu ông Chô R phải trả lại số tiền vốn là 08 lượng vàng (thời điểm Ông M cho vay ông bán số vàng này để đưa ông Chô R 300.000.000 đồng) vào thời điểm cho vay và trả lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử sơ thẩm. Việc yêu cầu trả 8 lượng vàng là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Tăng M buộc ông Chô R trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần G theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Chô R, Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Rô Đa, bà Phạm Thị Thu Hương, Bà Đỗ Mỹ D và Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Tại phiên tòa, Ông Tăng M yêu cầu ông Chô R phải trả lại số tiền vốn là 08 lượng vàng (thời điểm Ông M cho ông Chô R vay, Ông M bán số vàng này để đưa ông Chô R 300.000.000 đồng) và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ông M liên quan đến 08 lượng vàng tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu nên không được xem xét. Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của Ông M buộc Ông Nguyễn Chô R trả số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi

suất theo quy định pháp luật đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[1.4] Ông Nguyễn Chô R thừa nhận sau khi đã chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Phú H và ông Trương Thiện T, do không có tiền trả nợ, Ông R đã thế chấp cho Ông Tăng M để vay tiền. Tòa án đã kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cần G có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không. Tại văn bản số 204/CSĐT ngày 12/3/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cần G xác định: Đây chỉ là những giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét và xử lý vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sự.

[1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Tăng M có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Mười tham gia tố tụng. Ngày 15/11/2021, Ông M nộp văn bản chấm dứt ủy quyền với ông Mười nên Ông Tăng M trực tiếp tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phú H, ông Trương Thiện T và Ông Nguyễn Chô R.

[2.1.1] Ông H và ông T khởi kiện yêu cầu Ông R chuyển nhượng sang cho ông H và ông T cùng đứng tên thửa đất số 756, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $550m^2$, nhưng có diện tích đo đạc thực tế là $525m^2$ tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L. Ông Nguyễn Chô R thừa nhận có chuyển nhượng cho ông H diện tích $300m^2$ vào năm 2009 và 2016; chuyển nhượng cho ông T $250m^2$ vào năm 2009 và Ông R đã nhận tiền chuyển nhượng đầy đủ và đồng ý chuyển quyền sang cho ông H và ông T thửa đất 756. Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định áp dụng khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực*” để làm cơ sở giải quyết. Theo đó, Ông Nguyễn Chô R chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Phú H, ông Trương Thiện T toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất 756 được xác lập bằng văn bản viết tay, chưa được công chứng, chứng thực. Ông Chô R đã giao đất cho ông H, ông T quản lý, khai thác, sử dụng phần đất tranh chấp, xây dựng công trình trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Cần G lập ngày 02/01/2020; ông H, ông T đã trả đủ tiền cho Ông Nguyễn Chô R.

[2.1.2] Nếu xét riêng từng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phú H và Ông Nguyễn Chô R với diện tích chuyển nhượng qua đo đạc thực tế là $278m^2$ (vị trí A, C, D); ông Trương Thiện T và Ông Nguyễn Chô R với diện tích chuyển nhượng qua đo đạc thực tế là $247m^2$ (vị trí B), loại đất BHK là không đủ điều kiện để tách thửa và hình thành thửa đất mới. Tuy nhiên, ông H và ông T thống nhất yêu cầu Ông Nguyễn Chô R chuyển quyền sang cho ông H và ông T cùng đứng tên thửa đất số 756, diện tích qua đo đạc là $525m^2$; sự thỏa thuận

này hoàn toàn tự nguyện, không hình thành thửa đất mới; phù hợp quy định của Điều 209 Bộ luật Dân sự; Điều 9 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Long An.

Kết hợp [2.1.1] và [2.1.2], hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phú H, ông Trương Thiện T và Ông Nguyễn Chô R đối với thửa 756 có hiệu lực. Hội đồng xét xử buộc Ông Nguyễn Chô R có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Phú H và ông Trương Thiện T cùng đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10; tỷ lệ 1/2000, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550m², nhưng diện tích đo đạc thực tế là 525m², loại đất BHK tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

[2.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 756 ngày 04/12/2018 giữa Ông Tăng M và ông Nguyễn Chô R:

Tại thời điểm thế chấp, Ông Nguyễn Chô R đã chuyển nhượng cho ông H và ông T toàn bộ thửa đất số 756, cho nên việc Ông R tiếp tục thế chấp thửa đất này cho Ông M để vay tiền là không phù hợp với quy định Luật Đất đai. Ông M không tìm hiểu thực trạng tài sản thế chấp. Ông M và ông Chô R đều xác định ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay của Ông Nguyễn Chô R nên không đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Chô R đồng ý hủy hợp đồng thế chấp do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Tại phiên tòa, Ông M cũng đồng ý hủy hợp đồng thế chấp ngày 04/12/2018. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 Luật Công chứng năm 2014, Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015, hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 37277, quyền số 38TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2018 đã được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T công chứng.

[2.3] Hợp đồng vay tài sản giữa Ông Tăng M và Ông Nguyễn Chô R: Ông Tăng M đòi Ông Nguyễn Chô R trả lại số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ông M trình bày Ông Nguyễn Chô R chưa từng trả lãi cho ông. Ông Chô R cho rằng đã trả cho Ông M một tháng tiền lãi, nhưng không nhớ trả bao nhiêu tiền và trả vào thời điểm nào, nên lời trình bày của Ông R là không có căn cứ.

[2.3.1] Về tiền vốn: Ông Nguyễn Chô R thừa nhận có nợ Ông Tăng M số tiền vốn là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/12/2019, như vậy đến nay đã quá hạn trả nợ nên Ông R có trách nhiệm trả cho Ông M số tiền vốn là 300.000.000 đồng.

[2.3.2] Về tiền lãi: Hợp đồng vay tiền của Ông Nguyễn Chô R và Ông Tăng M xác lập ngày 04/12/2018 là hợp đồng vay có lãi. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điểm c Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, xác định Ông Nguyễn Chô R phải trả cho Ông Tăng M các khoản lãi gồm: tiền lãi trên nợ

gốc trong hạn chưa trả; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

* Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 39.600.000 \text{ đồng}$.

* Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả được tính như sau:

Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/01/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/01/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm} 05 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 745.965 \text{ đồng}$.

04/01/2019 đến ngày 04/02/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/02/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 3 \text{ năm} 04 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 727.815 \text{ đồng}$.

04/02/2019 đến ngày 04/3/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/03/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 3 \text{ năm} 03 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 709.665 \text{ đồng}$.

04/3/2019 đến ngày 04/4/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/04/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm} 02 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 691.515 \text{ đồng}$.

04/4/2019 đến ngày 04/5/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/05/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 673.365 \text{ đồng}$.

04/5/2019 đến ngày 04/6/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/06/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm} 3 \text{ ngày} = 655.215 \text{ đồng}$.

04/6/2019 đến ngày 04/7/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/07/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm} 11 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 637.065 \text{ đồng}$.

04/7/2019 đến ngày 04/8/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/8/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm} 10 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 618.915 \text{ đồng}$.

04/8/2019 đến ngày 04/9/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000

đồng được tính kể từ ngày 05/9/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 600.765 \text{ đồng}$.

04/9/2019 đến ngày 04/10/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/10/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 582.615 \text{ đồng}$.

04/10/2019 đến ngày 04/11/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/11/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 564.465 \text{ đồng}$.

04/11/2019 đến ngày 04/12/2019 là 01 tháng tiền lãi, Ông R có nghĩa vụ trả cho Ông M là 3.300.000 đồng, nhưng Ông R nợ tiền lãi của số tiền lãi 3.300.000 đồng được tính kể từ ngày 05/12/2019 đến ngày 08/06/2022 với số tiền là: $3.300.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 546.315 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là: 7.753.680 đồng.

* Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 05/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2022) là 02 năm 06 tháng 03 ngày với số tiền là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,65\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 148.995.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: lãi trên nợ gốc trong hạn + tiền lãi trên nợ lãi chưa trả + nợ lãi trên nợ gốc quá hạn = $39.600.000 \text{ đồng} + 7.753.680 \text{ đồng} + 148.995.000 \text{ đồng} = 196.348.680 \text{ đồng}$.

[2.4] Tại phiên tòa, Ông Tăng M trình bày ông đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 083489 số vào sổ CS 05858 do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh L cấp cho Ông Nguyễn Chô R vào ngày 06/4/2016 đối với thửa 756, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây hàng năm khác, đất tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L khi ký kết hợp đồng thế chấp với ông Chô R. Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thất lạc. Ông Tăng M cam đoan chưa sử dụng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 083489 để xác lập giao dịch nào khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần G về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thực hiện hành vi nhất định.

[2.6] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá với số tiền là 12.900.000 đồng, do ông Nguyễn Phú H đã nộp tạm ứng, theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ông Nguyễn Chô R phải chịu và có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Phú H.

[3.7] Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông R phải chịu 300.000 đồng án phí yêu cầu chuyển quyền sử dụng đất; 23.853.947 đồng án phí trả tiền cho Ông M; Ông R và Ông M cùng trách nhiệm liên đới nộp 300.000 đồng án phí hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ông R chịu 150.000 đồng; Ông M được miễn 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí Ông R phải chịu là: 300.000 đồng + 23.853.947 đồng + 150.000 đồng = 24.303.947 đồng.

Trả số tiền tạm ứng án phí cho ông H là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0001735 ngày 04/12/2019; 0009723 ngày 28/01/2019; Trả số tiền tạm ứng án phí cho ông T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009724 ngày ngày 28/01/2019;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 4 Điều 98; Điều 166, 170 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 117, Điều 129, Điều 423; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 500; Điều 501; Điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51 Luật Công chứng năm 2014;

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 2; Điều 5; Điểm c Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú H và ông Trương Thiện T đối với Ông Nguyễn Chô R liên quan đến thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

Ông Nguyễn Chô R có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Phú H, Bà Võ Thị Bé H; ông Trương Thiện T đối với thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10; tỷ lệ 1/2000, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550m², nhưng diện tích đo đạc thực tế là 525m², loại đất BHK, tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 083489 số vào sổ CS 05858 do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Long An cấp cho Ông Nguyễn Chô R vào ngày 06/4/2016 đối với thửa 756, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây hàng năm khác, đất tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L. Trường hợp Ông Nguyễn Chô R không thực hiện thủ tục chuyển nhượng thì vợ chồng ông Nguyễn Phú H, Bà Võ Thị Bé H; ông Trương Thiện T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10; tỷ lệ 1/2000, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550m², nhưng diện tích đo đạc thực tế là 525m², loại đất BHK tọa lạc tại Ấp Long H, xã

Long T, huyện Cần G, tỉnh L Theo Mạnh trích đo địa chính số 848 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 27/10/2020, có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp thửa 531; 244,

Tây giáp lối đi công cộng,

Nam giáp thửa 225; 755; 243; 583,

Bắc giáp thửa 759.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phú H đòi hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 32277, quyền số 38/TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 04/12/2018 giữa Ông Tăng M và Ông Nguyễn Chô R đối với thửa đất số 756, tờ bản đồ số 10; tỷ lệ 1/2000, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550m², nhưng diện tích đo đạc thực tế là 525m², loại đất BHK tọa lạc tại Ấp Long H, xã Long T, huyện Cần G, tỉnh L.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Tăng M về việc buộc Ông Nguyễn Chô R trả tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh.

Buộc Ông Nguyễn Chô R phải trả cho Ông Tăng M số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 196.348.680 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá với số tiền là 12.900.000 đồng, do ông Nguyễn Phú H đã nộp tạm ứng, buộc Ông Nguyễn Chô R phải trả lại 12.900.000 đồng cho ông H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần G về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thực hiện hành vi nhất định.

6. Về án phí:

Ông Nguyễn Chô R phải chịu án phí là 24.303.947 đồng.

Ông Tăng M được miễn án phí.

Trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Phú H là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0001735 ngày 04/12/2019; 0009723 ngày 28/01/2019; Trả số tiền

tạm ứng án phí cho ông Trương Thiện T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009724 ngày ngày 28/01/2019;

7. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân